1. **Đưa ra first\_name, last\_name và lương của những nhân viên mà có mức lương cao hơn nhân viên có last\_name là ‘Bull’.**

**SELECT first\_name, last\_name, e.salary**

**FROM employees e, (SELECT salary**

**FROM employees**

**WHERE last\_name LIKE 'Bull') as p**

**WHERE e.salary > p.salary**

1. **Đưa ra first\_name, last\_name của tất cả các nhân viên làm việc ở department IT**

**SELECT first\_name, last\_name**

**FROM employees e, departments d**

**WHERE e.department\_id = d.department\_id AND d.department\_name LIKE 'IT'**

1. **Đưa ra first\_name, last\_name của tất cả nhân viên mà có quản lý và làm việc tại department ở USA**

**SELECT first\_name, last\_name**

**FROM employees e, (SELECT DISTINCT e1.employee\_id**

**FROM employees e1, employees e2, departments d, locations l**

**WHERE e1.employee\_id = e2.manager\_id**

**AND e1.department\_id = d.department\_id**

**AND d.location\_id = l.location\_id**

**AND l.country\_id = 'US') p**

**WHERE e.manager\_id = p.employee\_id;**

1. **Đưa ra first\_name, last\_name của nhân viên mà là quản lý.**

**SELECT DISTINCT e1.first\_name, e1.last\_name**

**FROM employees e1, employees e2**

**WHERE e1.employee\_id = e2.manager\_id**

1. **Đưa ra first\_name, last\_name và lương của nhân viên mà mức lương của họ cao hơn mức lương trung bình**

**SELECT first\_name, last\_name, salary**

**FROM employees, (SELECT AVG(salary) avg FROM employees) p**

**WHERE salary > p.avg**

1. **Đưa ra first\_name, last\_name và mức lương của nhân viên mà mức lương bằng mức lương tối thiểu của job grade của họ**

**SELECT first\_name, last\_name, salary**

**FROM employees e, jobs j**

**WHERE e.job\_id = j.job\_id**

**AND e.salary = j.min\_salary**

1. **Đưa ra first\_name, last\_name và mức lương của nhân viên mà thu nhập nhiều hơn mức lương trung bình và làm việc trong một trong các department IT**

**SELECT first\_name, last\_name, salary**

**FROM employees e, departments d, (SELECT AVG(salary) FROM employees) p**

**WHERE e.department\_id = d.department\_id**

**AND salary > p.avg**

**AND department\_name LIKE '%IT%'**

1. **Đưa ra first\_name, last\_name và mức lương của nhân viên mà thu nhập cao hơn mức lương của Mr. Bell**

**SELECT first\_name, last\_name, e.salary**

**FROM employees e, (SELECT salary FROM employees WHERE last\_name = 'Bell') p**

**WHERE e.salary > p.salary**

1. **Đưa ra first\_name, last\_name và mức lương của nhân viên mà thu nhập bằng mức lương tối thiểu của tất cả các departments**
2. **Đưa ra first\_name, last\_name và mức lương của nhân viên mà mức lương lớn hơn mức lương tối thiểu của tất cả các departments**
3. **Đưa ra first\_name, last\_name và mức lương của nhân viên mà mức lương cao hơn mức lương của những người có JOB\_ID = ‘SH\_CLERK’. Sắp xếp mức lương từ thấp nhất tới cao nhất**

**SELECT first\_name, last\_name, salary**

**FROM employees, (SELECT MAX(salary) FROM employees WHERE job\_id = 'SH\_CLERK') p**

**WHERE salary > max**

**ORDER BY salary**

1. **Đưa ra first\_name, last\_name của nhân viên mà không phải supervisors.**
2. **Đưa ra employee ID, first\_name, last\_name, department name của tất cả các nhân viên.**

**SELECT employee\_id, first\_name, last\_name, department\_name**

**FROM employees e, departments d**

**WHERE e.department\_id = d.department\_id**

1. **Đưa ra employee ID, first\_name, last\_name, department name của tất cả các nhân viên mà mức lương cao hơn mức lương trung bình ở department mà họ làm việc.**

**SELECT employee\_id, first\_name, last\_name, department\_name**

**FROM employees e, departments d, (SELECT department\_id, AVG(salary)**

**FROM employees**

**GROUP BY department\_id) p**

**WHERE e.department\_id = d.department\_id**

**AND e.department\_id = p.department\_id**

**AND salary > avg**

1. **Đưa ra các bản ghi có thứ tự lẻ từ bảng employees.**

**SELECT e.\***

**FROM employees e, (SELECT employee\_id, ROW\_NUMBER() OVER() FROM employees) p**

**WHERE e.employee\_id = p.employee\_id**

**AND MOD(row\_number, 2) = 1**

1. **Đưa ra mức lương cao thứ 5 trong bảng employees.**

**SELECT salary**

**FROM (SELECT ROW\_NUMBER() OVER(ORDER BY salary DESC), salary FROM employees) p**

**WHERE row\_number = 5**

1. **Đưa ra mức lương thấp thứ 4 trong bảng employees.**

**SELECT salary**

**FROM (SELECT ROW\_NUMBER() OVER(ORDER BY salary), salary FROM employees) p**

**WHERE row\_number = 4**

1. **Lấy 10 bản ghi cuối cùng của 1 bảng bất kỳ.**

**SELECT e.\***

**FROM employees e, (SELECT ROW\_NUMBER() OVER(), employee\_id FROM employees) p**

**WHERE e.employee\_id = p.employee\_id**

**ORDER BY row\_number DESC**

**LIMIT 10;**

1. **Đưa ra danh sách department ID và tên của tất cả các departments mà không có nhân viên nào**

**SELECT d.department\_id, department\_name**

**FROM departments d, (SELECT department\_id FROM departments**

**EXCEPT**

**SELECT DISTINCT department\_id FROM employees) p**

**WHERE d.department\_id = p.department\_id**

1. **Đưa ra 3 mức lương cao nhất**

**SELECT salary FROM employees**

**ORDER BY salary DESC**

**LIMIT 3;**

1. **Đưa ra 3 mức lương thấp nhất**

**SELECT salary FROM employees**

**ORDER BY salary**

**LIMIT 3;**

1. **Đưa ra mức lương cao thứ n trong bảng employees.**

**SELECT MAX(salary)**

**FROM (SELECT salary FROM employees**

**ORDER BY salary**

**LIMIT n) as p**